

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**
Bản án số: **18/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 01-02-2021
V/v: “*Tranh chấp hôn nhân
và gia đình*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Tùng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Duy Sự**.

2. Bà **Nông Thị Hương**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Huệ** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông **Vũ Mạnh Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 01/02/2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 293/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12/11/2020 về việc “*Kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hầu Thị D**, sinh năm 1994.

- Bị đơn: Anh **Đào Văn H**, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn 7 M, xã Minh H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị D vắng mặt tại phiên tòa và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã được niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai bổ sung, nguyên đơn chị Hầu Thị D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Văn H được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 31/12/2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Hùng Lợi, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Việc chị và anh H kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối gì. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc với nhau bình thường, đến khoảng đầu năm 2018 vợ chồng

xảy ra mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng giữa chị với anh H không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống; do anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng tính tình anh H không thay đổi dẫn đến vợ chồng không quan tâm, tin tưởng và không chăm sóc nhau. Chị và anh H đã sống ly thân nhau từ ngày 20/7/2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm hỏi thăm gì đến nhau nữa. Chị xác định không còn tình cảm với anh H, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Văn H theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Đào Văn H có 02 con chung là cháu Đào Thị V, sinh ngày 28/02/2011 và cháu Đào Ngọc L, sinh ngày 30/12/2014. Chị nhất trí để anh Đào Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Đào Thị V và cháu Đào Ngọc L. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đào Văn H là 1.000.000 đồng/cháu/tháng (Tức 2.000.000 đồng/ 2 cháu/tháng). Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Chị và anh Đào Văn H không có tài sản chung, đất đai chung, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về vay nợ chung: Chị và anh Đào Văn H không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị D xác định vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung và không yêu cầu Tòa án giải quyết bất cứ nội dung gì khác.

*** Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Đào Văn H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hậu Thị D được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 31/12/2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Hùng Lợi, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Việc anh và chị D kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối gì. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc với nhau bình thường, đến khoảng đầu năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng giữa anh với chị D không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống; do cuộc sống kinh tế vợ chồng có nhiều khó khăn nên anh nhất trí cho chị D đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh từ giữa năm 2019 đến nay, nhưng từ khi đi làm tại tỉnh Bắc Ninh đến nay chị D không về thăm nhà, không quan tâm chăm sóc gì đến anh và các con. Thực tế anh và chị D đã sống ly thân nhau từ ngày 20/7/2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân thì anh có một vài lần điện thoại hỏi thăm chị D, nhưng từ cuối năm 2019 đến nay anh và chị D không ai liên lạc điện thoại hỏi thăm, quan tâm gì đến nhau nữa. Tuy nhiên anh xác định vẫn còn tình cảm với chị D, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức căng thẳng trầm trọng, chị D làm đơn ly hôn anh không nhất trí. Anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng anh quay về đoàn

tự cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Nếu chị D kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Đào Thị V, sinh năm 28/02/2011 và cháu Đào Ngọc L, sinh ngày 30/12/2014.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Đào Thị V và cháu Đào Ngọc L. Anh không yêu cầu chị Hầu Thị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Anh và chị Hầu Thị D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Anh và chị Hầu Thị D không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Đào Thị V, sinh ngày 28/02/2011 (là con chung của chị Hầu Thị D và anh Đào Văn H). Tại biên bản lấy lời khai cháu V xác định: Nếu bố mẹ giải quyết ly hôn thì cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với bố là Đào Văn H. Việc cháu Vân có mong muốn được ở với bố là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc gì.

Tại Biên bản xác minh đối với Trưởng thôn 7 M, xã M, huyện H cung cấp thông tin như sau: Chị D và anh H kết hôn với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị D và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhưng do anh chị chưa báo cáo thôn xã nên đại diện thôn 7 M chưa tiến hành hòa giải, giải quyết cho anh chị lần nào. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn chị Hầu Thị D cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; 01 Đơn ly hôn sửa đổi, bổ sung đề ngày 12/11/2020; 01 Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận kết hôn; 02 Giấy khai sinh là bản sao chứng thực; 01 Sổ hộ khẩu là bản sao chứng thực; 01 Giấy chứng minh thư nhân dân là bản sao chứng thực.

- Bị đơn anh Đào Văn H cung cấp cho Tòa án: Không có.

Ngoài ra, các đương sự không ai cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã gửi hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, thông báo anh Đào Văn H đến Tòa án làm việc để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần thông báo của Tòa án anh H đều không đến làm việc, Tòa án không tiến hành hòa giải cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái được. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nêu trên và ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc “Kiện tranh hôn nhân và gia đình” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn tốt, bị đơn chưa thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

* Về việc giải quyết nội dung vụ án: Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; các Điều 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hậu Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Hậu Thị D được ly hôn với anh Đào Văn H.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Đào Thị V, sinh ngày 28/02/2011 và cháu Đào Ngọc L, sinh ngày 30/12/2014 cho anh Đào Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hậu Thị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đào Văn H số tiền là 1.000.000 đồng/cháu/tháng (Tức 2.000.000 đồng/2cháu/tháng). Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 3/2021 cho đến khi các cháu Đào Thị V và cháu Đào Ngọc L đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Hậu Thị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí:

+ Chị Hậu Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

+ Anh Đào Văn H không phải chịu án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Hậu Thị D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đào Văn H nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo thông tin Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn anh Đào Văn H là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại

thôn 7 M, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn anh Đào Văn H tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã gửi hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, thông báo anh Đào Văn H đến Tòa án làm việc để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần triệu tập của Tòa án anh H đều không đến làm việc, Tòa án không tiến hành hòa giải cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái được. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nêu trên và đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hầu Thị D và anh Đào Văn H được tự do tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 31/12/2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị D và anh H là hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng của anh chị chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng mỗi người một công việc đều đi làm xa nhà (chị D đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh, còn anh H là lao động tự do không có công việc làm ổn định, thường đi gánh cam thuê hàng ngày tại xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên), vợ chồng ít có thời gian gặp nhau nên không quan tâm, chia sẻ, chăm sóc gì đến nhau, thỉnh thoảng vợ chồng có cãi chửi nhau nhưng không đánh nhau (theo thôn tin xác minh đối với Trưởng thôn 7 M, xã M cung cấp). Thực tế anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2019 đến nay, không còn quan hệ vợ chồng gì với nhau nữa. Tuy anh H không nhất trí ly hôn nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị D và anh H đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân anh H thừa nhận thi thoảng có điện thoại nói chuyện với chị D nhưng anh H cũng xác định từ cuối năm 2019 đến nay anh không điện thoại hỏi thăm, quan tâm, chăm sóc gì đến chị D, chị D cũng đi làm công nhân công ty tại tỉnh Bắc Ninh từ tháng 7/2019 đến nay không về thăm gia đình và các con lần nào, từ đó cho đến nay anh và chị D không còn quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau nữa. Như vậy cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh H không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh chị chỉ mang tính chất ràng buộc vì con cái, chứ không thực sự mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, vì anh chị đều không ai đưa ra biện pháp tích cực nào nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng. Do đó, cần xử cho chị Hầu Thị D được ly hôn anh Đào Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị D và anh H có 02 con chung là cháu Đào Thị V, sinh ngày 28/02/2011 và cháu Đào Ngọc L, sinh ngày 30/12/2014. Anh Đào Văn H có

nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Xét nguyện vọng của các đương sự (Anh H mong muốn được nuôi dưỡng cả hai con chung; lời khai của cháu Đào Thị V thể hiện cháu có nguyện vọng muốn được trực tiếp ở với bố là anh H), đồng thời căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương thì từ tháng 7/2019 đến nay chị D đi làm công nhân công ty không về thăm gia đình và các con, các con chung của anh chị vẫn ở cùng nhà và do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, đảm bảo đời sống cả về tinh thần, vật chất và được học tập đầy đủ khi ở với anh H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên xử cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Đào Thị V và cháu Đào Ngọc L. Chị Hầu Thị D được quyền đi lại thăm nom con chung, mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Tuy nhiên do chị Hầu Thị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đào Văn H với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/cháu/tháng (Tức 2.000.000 đồng/2cháu/tháng). Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 3/2021 cho đến khi các cháu Đào Thị V và Đào Ngọc L đủ 18 tuổi trưởng thành. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con chung của chị Hầu Thị D là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Hầu Thị D và anh Đào Văn H cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về vay nợ chung: Chị Hầu Thị D và anh Đào Văn H cùng xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Hầu Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; các Điều 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hầu Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hầu Thị D ly hôn với anh Đào Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Thị V, sinh ngày 28/02/2011 và cháu Đào Ngọc L, sinh ngày 30/12/2014 cho anh Đào Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Hầu Thị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đào Văn H cho hai con chung số tiền là 1.000.000 đồng/cháu/tháng (Tức 2.000.000 đồng/2cháu/tháng); phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 3/2021 cho đến khi các cháu Đào Thị V và cháu Đào Ngọc L đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Hầu Thị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Khoản tiền phải cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh Đào Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Hầu Thị D chậm nộp thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Hầu Thị D phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002324 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Hầu Thị D còn phải nộp số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Anh Đào Văn H không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hầu Thị D và anh Đào Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Yên
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tùng